

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/DS-ST
Ngày: 26-7-2022
“ V/v tranh chấp hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kiên Ngọc Trương.

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm An Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2022/TLST-DS, ngày 11 tháng 5 năm 2022, về “Tranh chấp hợp đồng góp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022 và thông báo đòi ngày xét xử số: 09/TB-TA, ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tô N, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã Đ, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Bà Bùi Thị Kim D, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã Đ, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 22/02/2018 dương lịch (nhằm ngày 07/01/2018 âm lịch) bà có tham gia chơi hui do bà Bùi Thị Kim D làm đầu thảo: loại hui 1.000.000 đồng, thực tế 23 phần (nhưng bà D cho biết chỉ 22 phần), gồm có 14 thành viên tham gia góp hui, bà tham gia 02 phần. Theo thỏa thuận đầu thảo được hưởng hoa hồng số tiền 500.000 đồng, dây hui này đã mở được 18 lần, bà chưa lãnh hui. Đến ngày

16/8/2019 dương lịch (16/7/2019 âm lịch) thì bà D tuyên bố đình hối (bể hối) và bà D có viết giấy chốt nợ bà tại đây hối này là 35.000.000 đồng. Bà N thống nhất số tiền bà D chiếm đoạt tại đây hối này là 23.358.842 đồng như vậy số tiền còn tại đây hối này là 11.641.158 đồng.

Ngày 20/3/2019 dương lịch (15/02/2019 âm lịch) bà có tham gia chơi hối do bà Bùi Thị Kim D làm đầu thảo: loại hối 2.000.000 đồng gồm 22 phần, có 17 thành viên tham gia góp hối, bà tham gia 02 phần. Theo thỏa thuận đầu thảo được hưởng hoa hồng số tiền 1.000.000 đồng, đây hối này đã mở được 05 lần, bà chưa lãnh hối. Tại đây hối này số tiền bà đóng hối sống là 14.100.000 đồng, bà thống nhất số tiền bà D chiếm đoạt là 6.881.263 đồng và số tiền còn lại là 7.218.737 đồng.

Bà D có trả cho bà 6.000.000 đồng đã căn trừ trong bản án hình sự, như vậy tổng số tiền bà D còn nợ bà là 18.859.895 đồng. Bà N yêu cầu bà D trả bà số tiền trên và lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 16/8/2019 đến nay là 30 tháng số tiền là 4.696.113 đồng, tổng số tiền 23.556.008 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà N thay đổi yêu cầu như sau:

Đối với đây hối 1.000.000 đồng ngày 22/02/2018 dương lịch (nhằm ngày 07/01/2018 âm lịch) bà tham gia 02 phần, đã đóng hối sống 18 kỳ, chưa lãnh hối, trong đó 12 kỳ bà D chiếm đoạt đã giải quyết bằng bản án hình sự nên bà không yêu cầu. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D trả bà 06 kỳ hối sống bà đã đóng số tiền 8.560.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền là 12.085.307 đồng.

Đối với đây hối 2.000.000 đồng, ngày 20/3/2019 dương lịch (15/02/2019 âm lịch), bà tham gia 02 phần, đã đóng hối sống được 05 kỳ, bà chưa lãnh hối, trong đó 02 kỳ bà D chiếm đoạt đã giải quyết bằng bản án hình sự nên bà không yêu cầu. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D trả bà 03 kỳ hối sống với số tiền đã đóng 7.960.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền là 10.585.101 đồng.

Tổng số tiền bà N yêu cầu bà D trả là 22.670.408 đồng.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Trần Thị Tố N và bị đơn bà Bùi Thị Kim D có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị Tố N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị Kim D trả số tiền 22.670.408 đồng, tiền hối sống đã góp và lãi suất theo quy định. Bà Bùi Thị Kim D thừa nhận còn nợ và đồng ý trả bà D số tiền hối sống bà N đã góp và lãi suất theo quy định của pháp luật và bà D có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét yêu cầu của bà N là có căn cứ đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà N. Về án phí, buộc bà D phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Tố N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị Kim D trả số tiền 22.670.408 đồng, tiền hội sống bà N đã góp và lãi suất là tranh chấp về dân sự và quan hệ tranh chấp của vụ án “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Nguyên đơn bà Trần Thị Tố N và bị đơn bà Bùi Thị Kim D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà N, bà D theo quy định.

[2] Về nội dung yêu cầu của các đương sự: Bà Trần Thị Tố N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị Kim D trả số tiền 22.670.408 đồng, tiền góp hội và lãi suất (trong đó tiền hội sống là 16.520.000 đồng và 6.150.408 đồng tiền lãi). Bà Bùi Thị Kim D thừa nhận bà Trần Thị Tố N có tham gia góp hội do bà làm đầu thảo, đây hội 1.000.000 đồng và 2.000.000 đồng, mỗi đây bà N tham gia 02 phần. Bà D thừa nhận tại đây hội 1.000.000 đồng, bà N góp được 18 kỳ hội sống, trong đó 12 kỳ đã giải quyết bằng bản án hình sự số: 12/2022/HS-ST, ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và 06 kỳ còn lại bà còn nợ bà N 8.560.000 đồng, bà D đồng ý trả bà N số tiền hội sống và lãi suất theo quy định của pháp luật. Tại đây hội 2.000.000 đồng bà N góp được 05 kỳ hội sống, trong đó 02 kỳ đã giải quyết bằng bản án hình sự số: 12/2022/HS-ST, ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và 03 kỳ còn lại bà còn nợ bà N 7.960.000 đồng, bà D đồng ý trả bà N số tiền hội sống và lãi suất theo quy định của pháp luật.

[2.1] Đây hội mở ngày 22/02/2018 dương lịch (nhằm ngày 07/01/2018 âm lịch), loại hội 1.000.000 đồng, bà N tham gia 02 phần đến ngày 16/8/2019 dương lịch bà D tuyên bố đình hội (bể hội). Bà N đóng hội sống được 18 kỳ, trong đó 12 kỳ bà D chiếm đoạt đã giải quyết bằng bản án hình sự số: 12/2022/HS-ST, ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bà N không yêu cầu, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết 06 kỳ hội sống còn lại có hội viên thật hốt hội cụ thể như sau:

1/ Tại kỳ thứ 5 ngày 22/6/2018, số tiền kêu là 300.000 đồng. Bà đóng hội sống 700.000 đồng x 02 phần là 1.400.000 đồng.

Lãi từ ngày 22/6/2018 đến 16/8/2019 là 13 tháng 24 ngày x 1.400.000 đồng x 1,66%/tháng = 320.712 đồng.

Lãi từ ngày 16/8/2019 đến ngày xét xử làm tròn 34 tháng: 1.400.000 đồng x 0,83%/tháng x 34 tháng = 395.080 đồng.

Tổng số tiền gốc 1.400.000 đồng + lãi 715.792 đồng = 2.115.792 đồng.

2/ Tại kỳ thứ 6 ngày 22/7/2018 số tiền kêu là 300.000 đồng. Bà đóng hội sống 700.000 đồng x 02 phần là 1.400.000 đồng.

Lãi từ 22/7/2018 đến 16/8/2019 là 12 tháng 24 ngày x 1.400.000 đồng x

$1,66\%/tháng = 297.472 \text{ đồng.}$

Lãi từ ngày 16/8/2019 đến ngày xét xử làm tròn 34 tháng: $1.400.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 34 \text{ tháng} = 395.080 \text{ đồng.}$

Tổng số tiền gốc $1.400.000 \text{ đồng} + \text{lãi } 692.552 \text{ đồng} = 2.092.552 \text{ đồng.}$

3/ Tại kỳ thứ 10 ngày 22/11/2018 số tiền kê là 300.000 đồng. Bà đóng hội sống 700.000 đồng x 02 phần là 1.400.000 đồng.

Lãi từ ngày 22/11/2018 đến 16/8/2019 là 08 tháng 24 ngày x $1.400.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/tháng = 204.512 \text{ đồng.}$

Lãi từ ngày 16/8/2019 đến ngày xét xử làm tròn 34 tháng: $1.400.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 34 \text{ tháng} = 395.080 \text{ đồng.}$

Tổng số tiền gốc $1.400.000 \text{ đồng} + \text{lãi } 599.592 \text{ đồng} = 1.999.592 \text{ đồng.}$

4/Tại kỳ thứ 11 ngày 22/12/2018 số tiền kê là 310.000 đồng. Bà đóng hội sống 690.000 đồng x 02 phần là 1.380.000 đồng.

Lãi từ 22/12/2018 đến 16/8/2019 là 07 tháng 24 ngày x $1.380.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/tháng = 178.682 \text{ đồng.}$

Lãi từ ngày 16/8/2019 đến ngày xét xử làm tròn 34 tháng: $1.380.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 34 \text{ tháng} = 389.436 \text{ đồng.}$

Tổng số tiền gốc $1.380.000 \text{ đồng} + \text{lãi } 568.118 \text{ đồng} = 1.948.118 \text{ đồng.}$

5/Tại kỳ thứ 15 ngày 22/4/2019 số tiền kê là 310.000 đồng. Bà đóng hội sống 690.000 đồng x 02 phần là 1.380.000 đồng.

Lãi từ 22/4/2019 đến 16/8/2019 là 03 tháng 24 ngày x $1.380.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/tháng = 87.050 \text{ đồng.}$

Lãi từ ngày 16/8/2019 đến ngày xét xử làm tròn 34 tháng x $1.380.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng = 389.436 \text{ đồng.}$

Tổng số tiền gốc $1.380.000 \text{ đồng} + \text{lãi } 476.486 \text{ đồng} = 1.856.486 \text{ đồng.}$

6/Tại kỳ thứ 18 ngày 22/7/2019 số tiền kê là 200.000 đồng. Bà đóng hội sống 800.000 đồng x 02 phần là 1.600.000 đồng.

Lãi từ 22/7/2019 đến 16/8/2019 là 24 ngày x $1.600.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/tháng = 21.247 \text{ đồng.}$

Lãi từ ngày 16/8/2019 đến ngày xét xử làm tròn 34 tháng: $1.600.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 34 \text{ tháng} = 451.520 \text{ đồng.}$

Tổng số tiền gốc $1.600.000 \text{ đồng} + \text{lãi } 472.767 \text{ đồng} = 2.072.767 \text{ đồng.}$

Tổng số tiền bà N đóng hội sống 06 kỳ 8.560.000 đồng và lãi suất đối với số tiền trên theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 3.525.307 đồng. Tổng 12.085.307 đồng.

[2.2] Dây hội mở ngày ngày 20/3/2019 dương lịch (15/02/2019 âm lịch), loại hội 2.000.000 đồng đến ngày 16/8/2019 dương lịch bà D tuyên bố đình hội (bỏ

hội). Bà N đóng hội sống được 05 kỳ, trong đó 02 kỳ bà D chiếm đoạt đã giải quyết bằng bản án hình sự số: 12/2022/HS-ST, ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bà N không yêu cầu, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết 03 kỳ hội sống còn lại có hội viên thật hốt hội cụ thể như sau:

1/ Tại kỳ thứ 1 ngày 20/3/2019 số tiền kê là 650.000 đồng. Bà đóng hội sống 1.350.000 đồng x 02 phần là 2.700.000 đồng.

Lãi từ ngày 20/3/2019 đến 16/8/2019 là 04 tháng 26 ngày x 2.700.000 đồng x 1,66%/tháng = 218.124 đồng.

Lãi từ ngày 16/8/2019 đến ngày xét xử làm tròn 34 tháng: 2.700.000 đồng x 0,83%/tháng x 34 tháng = 761.940 đồng

Tổng gốc 2.700.000 đồng + 980.064 đồng lãi = 3.680.064 đồng.

2/ Tại kỳ thứ 3 ngày 20/5/2019 số tiền kê là 720.000 đồng. Bà đóng hội sống 1.280.000 đồng x 02 phần là 2.560.000 đồng.

Lãi từ 20/5/2019 đến 16/8/2019 là 02 tháng 26 ngày x 2.560.000 đồng x 1,66%/tháng = 121.821 đồng.

Lãi từ ngày 16/8/2019 đến ngày xét xử làm tròn 34 tháng: 2.560.000 đồng x 0,83%/tháng x 34 tháng = 722.432 đồng.

Tổng gốc 2.560.000 đồng + 884.253 đồng lãi = 3.404.253 đồng.

3/ Tại kỳ thứ 5 ngày 20/7/2019 số tiền kê là 650.000 đồng. Bà đóng hội sống 1.350.000 đồng x 02 phần là 2.700.000 đồng.

Lãi từ ngày 20/7/2019 đến 16/8/2019 là 26 ngày x 2.700.000 đồng x 1,66%/tháng = 38.844 đồng.

Lãi từ ngày 16/8/2019 đến ngày xét xử làm tròn 34 tháng: 2.700.000 đồng x 0,83%/tháng x 34 tháng = 761.940 đồng.

Tổng gốc 2.700.000 đồng + 800.784 đồng = 3.500.784 đồng.

Tổng số tiền bà N đóng hội sống 03 kỳ 7.960.000 đồng và lãi suất đối với số tiền trên theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 2.625.101 đồng. Tổng 10.585.101 đồng.

Tổng số tiền bà N yêu cầu theo nhận định tại mục [2.1], [2.2] là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 và nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019, Nghị định của Chính phủ về họ, hội, biểu, phùng nên được chấp nhận.

[3] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bà Bùi Thị Kim D án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 471; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 21 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019, Nghị định của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tố N. Buộc bà Bùi Thị Kim D có nghĩa vụ trả bà Trần Thị Tố N tổng số tiền là 22.670.408 đồng (trong đó tiền hội sống là 16.520.000 đồng và 6.150.408 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền còn phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Bùi Thị Kim D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.133.520 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự.

Bà Trần Thị Tố N không phải chịu án phí nên được nhận lại 618.000 đồng, tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0010131, ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Bích Lộc

